

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Nguyễn Quang Chung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Nguyễn Hữu N** – sinh năm 1992.

Địa chỉ: 22/2B, PNL, phường PM, TP PR– TC, tỉnh NT.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị Kim T** – sinh năm 1991.

Địa chỉ: T3, Ấp 4, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 25/11/2020 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Nguyễn Hữu N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện sống chung vào tháng 02/2016, đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PM, TP PR – TC, tỉnh NT. Vợ chồng sống chung đến tháng 07/2020 thì không hiểu lý do gì mà bà T tự ý bế con về sinh sống tại xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN và tìm mọi cách trốn tránh, không chịu gặp ông. Từ đó cho đến nay vợ chồng không còn sống chung, không còn thương yêu, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm không còn ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phan Thị Kim T.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Đăng K, sinh ngày 11/02/2018. Hiện nay cháu K do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung chưa thành niên bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000đ.

- Tài sản chung: Ông N trình bày không có.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 13 tháng 01 năm 2021, bị đơn bà Phan Thị Kim T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Bà T thừa nhận việc kết hôn là tự nguyện. Trong thời gian sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 07/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Bà dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm không còn, bà đồng ý ly hôn với ông N.

- Nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Đăng K, sinh ngày 11/02/2018. Cháu K do bà nuôi dưỡng từ tháng 07/2020. Nay ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và đồng ý việc ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000đ.

- Về tài sản: Không có tài sản chung,

Nợ chung: Không có nợ chung.

Nguyên đơn đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân của ông N (bản sao); Sổ hộ khẩu của ông N (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Đơn xác nhận hộ khẩu bà T. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, Đơn đề nghị xác minh, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bị đơn; Biên bản xác minh của Tòa án. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác. Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông N. Về hôn nhân: Cho ông N được ly hôn với bà T. Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên Lê Đăng K, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Nợ chung: Không có.

Ông N phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà T, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Ông N và bà T tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường PM, TP PR – TC, tỉnh NT. Vợ chồng thừa nhận do bất đồng quan điểm nên từ tháng 07/2020 cho đến nay bà T về nhà mẹ ruột ở xã PT sinh sống cho đến nay. Vợ chồng không còn sống chung, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, ông N và bà T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 11/02/2018. Hiện con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Ông N đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng vì con của vợ chồng chưa đủ 36 tháng tuổi, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét ý kiến của các bên về việc nuôi con là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình

chấp nhận giao con chưa thành niên cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000đ.

- Về tài sản: Ông N, bà T bày không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông N phải chịu 300.000đ tiền án phí ề ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nguyễn Hữu N.

- Về hôn nhân: Cho ông Lê Nguyễn Hữu N được ly hôn với bà Phan Thị Kim T.

- Về nuôi con: Giao cho bà Phan Thị Kim T trực tiếp nuôi con chung Lê Đăng K, sinh ngày 11/02/2018. Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng bắt đầu được tính từ tháng 02/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Lê Nguyễn Hữu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003708 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

Ông N còn phải nộp thêm 300.000đ.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Phước Mỹ, TP Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (Số 100, ngày 21/8/2017) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh